

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09/4/2026

Về việc: “Ly hôn, Tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn văn Thuận.

2. Ông Lê Phú Chánh Thề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 44/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 2000; Địa chỉ: H, ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre)

- Bị đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Trước đây là ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre)

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và bị đơn là ông Trần Minh T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ). Nay là Ủy Ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 07/5/2018. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm nên bà và ông T1 đã sống ly thân nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 con chung tên là Trần Thanh T2, sinh ngày 06/02/2018 hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà không yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà bận công việc riêng và phải chăm sóc con còn nhỏ, không có điều kiện đi lại, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông T1 được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà sẽ không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18 tháng 3 năm 2026, ông T1 vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng. Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Minh T1 được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của bà T và ông T1 là Trần Thanh T2, sinh ngày 06/02/2018 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T1 không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông T1 có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Trần Minh T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ), nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 07/5/2018 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà T và ông T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà đã xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà T trình bày, bà và ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông T1, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Do bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông T1 nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1. Sau khi bà T có yêu cầu xin ly hôn với ông T1, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà T và ông T1 hàn gắn, nhưng ông T1 đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho bà T và ông T1 đoàn tụ được. Việc ông T1 vắng mặt là ông T1 đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông T1 đã đương nhiên từ bỏ quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông T1 nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1. Tòa án đã động viên bà T trở về cùng đoàn tụ với ông T1 nhưng bà T không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T1.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: bà T và ông T1 có 01 con chung tên là Trần Thanh T2, sinh ngày 06/02/2018, hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Mặt khác, con chung của bà T, ông T1 đã trên 7 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành niên cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên do bà T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T1 không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông T1 có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Về án phí: bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Minh T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Minh T1 có 01 con chung tên là Trần Thanh T2, sinh ngày 06/02/2018. Giao con chung chưa thành niên tên là Trần Thanh T2 cho bà T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông T1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T1 không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông T1 có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006974 ngày 23/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thế Trang Đền

